

VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC VỀ BẢN TÍNH CỦA CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC GIA ĐÌNH

THE PHILOSOPHIC QUESTION ON HUMAN NATURE AND THE ROLE OF FAMILY EDUCATION

NGUYỄN TẤN HÙNG

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Trong lịch sử Triết học, có cuộc tranh luận gay gắt về vấn đề bản tính con người. Một số nhà triết học tin rằng bản tính con người về căn bản là thiện. Một số nhà triết học khác cho rằng con người có bản tính ác. Việc nghiên cứu hiện tượng trẻ hoang dã cho thấy con người không có bản tính thiện, cũng không có bản tính ác. Giáo dục gia đình có vai trò quan trọng hàng đầu trong việc hình thành tính cách của trẻ em. Việc nghiên cứu về nhi đồng của E.P. Slade và L. S.Wissow cho thấy rằng đánh trẻ lúc còn bé tất yếu sẽ dẫn đến những vấn đề hạnh kiểm về sau. Giáo dục trẻ em là một vấn đề phức tạp đòi hỏi ở người lớn rất nhiều lòng kiên nhẫn.

ABSTRACT

In the History of Philosophy, there has been a serious debate on Human Nature. Some philosophers believe that human nature is basically good. Some others claim that human has an evil nature. A study of Feral Children shows that human has neither good nor evil nature. Family education is of primary importance in the formation of children conduct. A study of Infants and Young Toddlers by E.P. Slade and L. S.Wissow shows that Early Spanking necessarily leads to later behavior problems. Children Education is a complicated question, which requires a lot of patience from adults.

Trong lịch sử triết học có hai quan điểm đối lập nhau về bản tính con người: *thuyết tính ác* và *thuyết tính thiện*.

Những người đi ra thuyết tính ác dựa trên lập luận cho rằng: con người sinh ra vốn là một động vật nên việc tìm cách thỏa mãn những bản năng động vật là cơ sở của bản tính ác ở con người. Đứng trên quan điểm này có *Tuân Tử* (315-220 tr-ớc CN) ở Trung Hoa cổ đại, *Hóp-bơ* (Thomas Hobbes, 1588- 1679), nhà triết học Anh cận đại, v.v.. *Tuân Tử* lập luận rằng con người ai cũng thích ăn cái ngon, nhìn cái đẹp, nghe cái hay, thành ra ai cũng tìm mọi cách để thỏa mãn những nhu cầu sinh lý ấy. *Hóp-bơ* cho rằng, trong trạng thái tự nhiên, “người là chó sói đối với người”, xã hội là “một cuộc chiến tranh của tất cả chống lại tất cả”. Theo *Hóp-xơ*, để khắc phục trạng thái tự nhiên, con người phải đi đến một thỏa thuận, một hợp đồng với nhau (khế - ước xã hội) thành lập nên một tổ chức *nhà nước*.

Đối lập với thuyết tính ác là *thuyết tính thiện*. Thuộc về khuynh hướng này có quan điểm của một số tôn giáo và một số nhà triết học duy tâm.

Mạnh Tử (372-289) ở Trung Hoa cổ đại chứng minh bản tính thiện của con người bằng lập luận sau:

Tính thiện của con người gồm “tứ đức”: *Nhân, nghĩa, lễ, trí*. Bốn đức tính này bắt nguồn từ “tứ đoan” (4 đầu mối, mầm mống): lòng *trắc ẩn* (biết thương xót) là đầu mối của “nhân”, lòng *tu ó* (biết thẹn, ghét) là đầu mối của “nghĩa”, lòng *từ nh-ợng* (biết kính, nhường) là đầu mối của “lễ”, lòng *thị phi* (biết phân biệt phải trái) là đầu mối của “trí”. Bốn đức tính *nhân, nghĩa, lễ, trí* thuộc cấp độ ý thức, phải được giáo dục, học tập, rèn luyện mới có được; còn “tứ

đoan” thuộc cấp độ *tâm lý* là cái vốn có (nh- là bản năng) khi con ng- ời sinh ra. Nh- vậy, theo Mạnh Tử, con ng- ời khi mới sinh ra đã có đầy đủ những *thiện đoan*, nh- lòng trắc ẩn, lòng thẹn ghét, lòng từ nh- ợng, lòng thị phi để từ đó phát triển thành những *thiện tính*; vì thế ông khẳng định con ng- ời *có bản tính thiện*. Một chứng cứ mà Mạnh Tử nêu ra để chứng minh cho lòng trắc ẩn, một trong những tứ đoan là bất kỳ ai khi thấy một đứa bé sắp té giếng cũng th- ơng xót, muốn cứu giúp.

Trong thời gian dài ng- ời ta không phản bác đ- ọc quan điểm trên của Mạnh Tử. Ai cũng có thể tận mắt chứng kiến *lòng trắc ẩn* đã xuất hiện rất sớm ở những trẻ em nhỏ khi chúng ch- a đ- ọc giáo dục bao nhiêu. Tuy nhiên, việc nghiên cứu một cách có hệ thống *hiện t- ợng trẻ em hoang dã*, sẽ giúp chúng ta tìm ra đ- ọc lời giải đáp chính xác hơn cho những gì đã đ- ọc quan sát.

Trẻ em hoang dã (Feral children) là những trẻ em khi mới sinh ra đã không đ- ọc nuôi dạy trong môi tr- ờng xã hội. Môi tr- ờng xã hội đ- ọc hiểu tr- ớc hết là gia đình và sau đó là quan hệ giao tiếp với những ng- ời khác. Những tr- ờng hợp sau đây đ- ọc coi là “trẻ em hoang dã”:

- Trẻ em đ- ọc *đàn súc vật nuôi* do cha mẹ chúng bỏ rơi hoặc do súc vật bắt đi từ lúc còn rất bé.

- Trẻ em đ- ọc *ng- ời nuôi* trong một môi tr- ờng hoàn toàn cách ly, không có quan hệ giao tiếp với ng- ời khác.

Theo Douglas Keith Candland (Giáo s- Tiến sĩ Khoa Tâm lý học và Hành vi động vật, Đại học Bucknell, Tiểu bang Pennsylvania) thì “trẻ em hoang dã là những trẻ em đã sống phần lớn những năm tr- ờng thành của cuộc đời trong thế giới hoang dã không có bất kỳ sự tiếp xúc nào với ng- ời khác” ... “Nghiên cứu tr- ờng hợp trẻ em hoang dã có một ý nghĩa rất lớn về mặt khoa học và giáo dục. Nó cung cấp cứ liệu để trả lời những câu hỏi: Bản tính của con ng- ời và bản tính động vật gần nhau nh- thế nào? Những khía cạnh nào trong bản tính con ng- ời là đ- ọc di truyền và những khía cạnh nào là do giáo dục? □ thức có nghĩa là gì?” (1)

Trang web “FeralChildren.com” cung cấp những thông tin t- ơng đối đầy đủ, có hệ thống về những trẻ em hoang dã đã tìm đ- ọc và đ- a về với xã hội loài ng- ời. Trong số hơn 100 trẻ em hoang dã đã đ- ọc tìm thấy (từ vài trăm năm lại đây), có khoảng 35 tr- ờng hợp trẻ em đ- ọc *chó sói* hoặc *chó hoang* nuôi, hơn 10 tr- ờng hợp đ- ọc khỉ, v- ợn nuôi, một số tr- ờng hợp do thú vật khác nh- *gấu, báo, linh d- ơng, dê, cừu...* nuôi. Đặc biệt, có một số tr- ờng hợp trẻ em *bị ng- ời nuôi nhốt kín, cách ly với môi tr- ờng xã hội*, do ng- ời lớn bị bệnh tâm thần hoặc do hoàn cảnh sinh sống bắt buộc (2).

Việc nghiên cứu hiện t- ợng trẻ em hoang dã góp phần quan trọng làm sáng tỏ vấn đề bản tính của con ng- ời. Con ng- ời khi mới sinh ra chỉ có những bản năng động vật nhất định, còn về mặt xã hội, nó nh- một tờ giấy trắng; nó chỉ mới có những *tiền đề, điều kiện* nhất định để trở thành con ng- ời, chứ *ch- a có bất kỳ một nét tính cách nào của con ng- ời*. Nó không ác, cũng không thiện. Đúng nh- Hồ Chủ tịch nói:

“Thiện ác nguyên lai vô định tính.

Đa do giáo dục đích nguyên nhân”

(Thiện, ác phải đâu là tính sẵn. Phần nhiều do giáo dục mà nên) (3).

Khi đứa trẻ sơ sinh đ- ọc nuôi dạy trong môi tr- ờng nào thì nó phát triển về sinh-tâm lý và hình thành tính cách phù hợp với môi tr- ờng đó. Những trẻ em ngay từ bé đã có lòng trắc ẩn, một trong những “tứ đoan” mà Mạnh Tử nêu ra, cũng không có nghĩa là chúng có đ- ọc những mầm mống ấy một cách bẩm sinh, mà là kết quả tất yếu của một môi tr- ờng nuôi dạy có đầy đủ nhân tính. Còn nếu nó đ- ọc nuôi và lớn lên trong môi tr- ờng thú vật thì ở nó chỉ có thể phát triển những thú tính mà thôi.

Nếu đưa trẻ đi học nuôi trong đàn sói thì chúng học cách sinh hoạt như một con sói. Những trẻ em này chỉ biết đi bằng 4 chi, thêm ăn thịt sống, uống máu tươi. Giác quan của chúng, như thị giác, thính giác, khứu giác phát triển rất thính giống như một con thú săn mồi. Khi bị đe dọa, chúng sẵn sàng tấn công và cắn người. Đó là trường hợp của hai bé gái Kamala và Amala tìm thấy ở Ấn Độ năm 1920, “cậu bé sói” Djuma tìm thấy ở Turmenistan năm 1962, và nhiều trẻ em khác (4). □ ph-ong Tây có thành ngữ “đ-ợc sói nuôi”, để chỉ những con người sinh ra và lớn lên trong một môi trường thiếu nhân tính nên trở thành độc ác như sói. Cách đây không lâu trên truyền hình Việt Nam có chiếu một bộ phim nước ngoài có tiêu đề “Sống chung với sói”, như người ít ai hiểu đúng nghĩa của tiêu đề bộ phim đó.

Nếu trẻ em đi học một đàn v-ượn nuôi thì tính cách của những trẻ em này đi học hình thành hoàn toàn ngược lại với trường hợp sói hay chó hoang nuôi. Thay vì ăn thịt sống, uống máu tươi, những trẻ em này chỉ biết ăn thức ăn chủ yếu là hoa quả, rễ, củ. Nó đi đứng, kêu hú như một con v-ượn. Các chi trước của nó phát triển hơn các chi sau để thích ứng với leo trèo.

Một đứa trẻ cũng có thể học cách ăn uống và đi đứng như những con gà, như trong trường hợp cậu bé Isabel Quaresma tìm thấy năm 1980 ở Bồ Đào Nha sau thời gian 9 năm bị nhốt trong một chuồng gà từ khi cậu mới đi học một tuổi.

Nhân cách của con người không thể hình thành không chỉ ở những đứa trẻ từ bé đã chung sống và lớn lên trong đàn thú vật, mà ngay cả ở những đứa trẻ đi học người nuôi như bị cách ly, không cho giao tiếp với con người. Đó là trường hợp của bé gái Genie đi học tìm thấy tháng 11 năm 1970 ở California, hai trẻ em sinh đôi Zahra and Massoumeh Naderi đi học tìm thấy năm 1977 ở Iran, hai trẻ em sinh đôi tìm thấy năm 2003 ở Mỹ, trường hợp 4 người con (3 trai, một gái) của một gia đình nông dân làm thuê bị người chủ trang trại bắt buộc phải nuôi cách ly với xã hội mới đi học phát hiện đầu năm 2004 ở Nam Phi.

Qua việc nghiên cứu tất cả các trường hợp trẻ em hoang dã, người ta nhận thấy:

- Trẻ em bị bỏ rơi ở tuổi càng nhỏ bao nhiêu và ở trong đàn thú vật càng lâu bao nhiêu thì khi tìm thấy và đưa về với xã hội, chúng càng có ít tính người bấy nhiêu và càng khó nuôi dạy bấy nhiêu. Những trẻ em đi học đàn súc vật nuôi từ lúc sơ sinh thì thường chết sau một thời gian ngắn sau khi đưa về nuôi ở môi trường xã hội.

- Những trẻ em bị cách ly khỏi môi trường xã hội ngay từ lúc rất bé khi chúng còn chưa biết đi và biết nói, thì trong thời gian sống hoang dã, chúng học cách sinh hoạt của thú vật, tư chi cũng như thanh quản của chúng không phát triển như ở một con người bình thường và sau này khi lớn lên thì không còn có thể uốn nắn được nữa. Đó là lý do giải thích vì sao những trẻ em hoang dã mặc dù đã đưa về nuôi dạy trong thời gian dài, chúng cũng không thể đi đứng bình thường, và nhất là chúng mất đi khả năng học nói tiếng người nên mọi cố gắng dạy ngôn ngữ cho chúng đều không đem lại kết quả. Chẳng hạn, như trường hợp bé gái Kamala tìm thấy từ đàn sói lúc 8 tuổi và đưa về nuôi đến năm 17 tuổi vẫn không trở thành một đứa trẻ bình thường, “cậu bé sói” Djuma, đưa về nuôi dạy trong suốt 30 năm từ 7 tuổi đến 37 tuổi mà chỉ phát âm được một vài từ.

Việc nghiên cứu hiện tượng “trẻ em hoang dã” cho ta thấy tầm quan trọng của việc nuôi, dạy trẻ em trong ngày tháng ban sơ của cuộc đời chúng (thời gian từ lúc sơ sinh đến khi chúng biết đi, biết nói, có ý thức). Tuy nhiên ở đây cho đến nay khoa học vẫn chưa thay thế được những kinh nghiệm lâu đời. Có những khía cạnh trong kinh nghiệm của cha ông chúng ta cho tới nay vẫn còn nguyên giá trị, như “dạy con từ thuở còn thơ”. Bên cạnh đó cũng có những kinh nghiệm đã quá lạc hậu so với thời đại, như “Th-ợng cho roi, cho vọt; ghét cho ngọt, cho ngào”, như người nhiều bạc cha mẹ vẫn đang áp dụng nó hàng ngày. Đây thật là một điều không thể chấp nhận được, như người lại là một thực tế không thể chối cãi.

Lâu nay, chúng ta đã biết rằng sự hình thành ý thức phải thông qua ngôn ngữ và gắn liền với sự hình thành và phát triển ngôn ngữ, nh-ng chúng ta ch- a biết rằng *tr- ớc khi có ý thức, đứa trẻ đã có cái gì* và cái điều mà nó có tr- ớc khi có ý thức lại có tầm quan trọng nh- thế nào đối với suốt cả quá trình còn lại của cuộc đời. Thông th- ờng các bậc cha mẹ ít quan tâm đến ảnh h- ớng của ng- ời lớn đối với sự hình thành tâm lý của trẻ em khi chúng ch- a biết nói (th- ờng là d- ới 20 tháng) và cũng không cần biết trẻ em đã hình thành tâm lý và ý thức nh- thế nào trong những ngày tháng ban sơ của cuộc đời. Chính sự thiếu hiểu biết này là nguyên nhân dẫn đến những hậu quả đáng tiếc về sau. “Điếc không biết sợ súng” là một câu tục ngữ sát hợp với tình hình này.

Một vấn đề mà chúng tôi muốn đi sâu phân tích sau đây là liệu *đánh trẻ*, “th- ong cho roi, cho vọt” có phải là *một ph- ong thức* dạy trẻ hay không? Công trình nghiên cứu mới đ- ọc công bố của các nhà khoa học Mỹ giúp các bậc phụ huynh xem lại kinh nghiệm dạy trẻ của mình. Báo “Nhi khoa” (Pediatrics) số tháng 5-2004 công bố kết quả công trình nghiên cứu của hai nhà khoa học Mỹ: Tiến sĩ triết học *Eric P. Slade* và tiến sĩ y khoa *Lawrence S. Wissow* ở Đại học John Hopkins “*Đánh trẻ khi còn quá bé thì sau này sẽ có vấn đề về hạnh kiểm: Nghiên cứu về t- ong lai của trẻ em và nhi đồng*”. Các nhà khoa học tiến hành điều tra, nghiên cứu, phân tích mối liên hệ giữa việc cha mẹ đánh trẻ tr- ớc hai tuổi với việc phát triển hạnh kiểm xấu của chúng trong những năm liên tiếp sau đó ở học đ- ờng. Công trình nghiên cứu này một phần dựa trên kết quả của một công trình nghiên cứu tr- ớc đó đ- ọc Bộ Lao động Mỹ tài trợ và tiến hành trong khoảng 10 năm từ 1979-1989. Trong thời gian này, khoảng 75.000 gia đình có các bà mẹ trẻ và con cái d- ới 21 tuổi đ- ọc phỏng vấn cứ hai năm một lần. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu này, Slade và các đồng nghiệp của ông tiếp tục theo dõi khoảng 2000 trẻ em *d- ới hai tuổi* cho đến khi chúng bắt đầu đi học và thời gian 4 năm sau khi chúng đi học. Các bậc cha mẹ đ- ọc phỏng vấn về thói quen đánh trẻ và hạnh kiểm của đứa trẻ sau khi đi học. Qua nghiên cứu, các nhà khoa học thấy rằng những trẻ em da trắng d- ới 2 tuổi mà bị đánh 1 lần/tuần thì nguy cơ phụ huynh bị mời đến tr- ờng nhiều gấp 2 lần so với những trẻ em khác trong suốt 4 năm học sau đó; nếu 5 lần/tuần thì gấp 4,2 lần (5).

Theo sự phân tích của Slade, “việc áp dụng hình phạt về cơ thể ở trẻ em d- ới 2 tuổi thì nguy hiểm hơn ở trẻ lớn, bởi vì trong độ tuổi này trẻ em đang trải qua giai đoạn quá độ căn bản của sự phát triển về tâm lý và ý thức, trong đó có sự bắt đầu thiết lập mối quan hệ với ng- ời chăm sóc nó và sự phát triển một cảm giác tin cậy ở ng- ời lớn về sự an toàn và bảo đảm”. Do đó, đánh trẻ là *gây tổn th- ong* cho đứa trẻ và gây khó khăn cho việc giáo dục chúng về sau (6).

Theo Tiến sĩ y khoa *J. Burton Banks*, Đại học Đông Tennessee, thành phố Johnson, đánh trẻ là *không thích hợp ở bất cứ độ tuổi nào*, đặc biệt là trẻ em d- ới 18 tháng. Trẻ còn bé ch- a hiểu đ- ọc việc chúng làm và mối liên hệ nhân quả, cho nên đánh chúng không có tác dụng gì. Càng đánh nhiều bao nhiêu thì hiệu quả giáo dục càng kém bấy nhiêu. Cha mẹ có khuynh h- ớng leo thang sự nghiêm khắc cho đến mức xúc phạm đứa trẻ một cách có hay không có chủ ý. Đánh trẻ là một loại hình phạt dễ v- ợt quá ranh giới từ hình thức kỷ luật (discipline) sang *hành vi xâm hại* trẻ em (child abuse) (7).

Qua thực tế nuôi dạy con cái của mình và kinh nghiệm của những gia đình có trẻ em h- ồng, chúng tôi rất đồng tình với những nhận xét và kết luận của các nhà khoa học Mỹ. Chúng tôi nhận thấy, tr- ờng hợp trẻ em vị thành niên bị h- ồng, bỏ học, nghiện xì ke, đi bụi đời, tham gia gây rối, đánh nhau, thậm chí trộm cắp, giết ng- ời không chỉ thấy xuất hiện ở những gia đình dân nghèo thành thị, phải đi làm lụng suốt ngày không thể dành thời gian đầy đủ cho việc chăm lo, dạy dỗ con cái, mà *phần lớn* lại rơi vào những gia đình có đầy đủ điều kiện kinh tế để nuôi dạy trẻ, nhiều gia đình cán bộ, đảng viên và gia đình cha mẹ có chức có quyền, nh-ng trở trêu thay, cha làm thầy, thì con lại “đốt sách”. Những gia đình loại thứ hai này

không phải là không quan tâm hoặc không có điều kiện giáo dục con cái, mà chủ yếu là *thiếu ph-ong pháp giáo dục khoa học*.

Ph-ong pháp giáo dục trẻ em đúng đắn nhất là: một mặt, cha mẹ và ng-ời lớn phải đem hết tình cảm th-ong yêu dành cho trẻ em, không có bất cứ hành vi thô bạo đối với trẻ. Cách đi đứng, ăn mặc, nói năng của ng-ời lớn phải thực sự chuẩn mực, ng-ời lớn c- xử với nhau phải lịch sự tr-ớc mặt con cái. Ng-ời lớn phải thực sự là những tấm g-ong sáng để trẻ em noi theo, bắt ch-ớc theo. Khi trẻ em có những hành vi và thái độ không đúng, ng-ời lớn một mặt phải *ngghiêm túc uốn nắn*, nh-ng đồng thời phải *hết sức kiên nhẫn*, không đ-ợc nóng vội. Chẳng những đối với trẻ nhỏ không đ-ợc đánh chúng, mà ngay đối với trẻ lớn cũng vậy. Đối với trẻ lớn thì phải biết dùng ngôn ngữ để *phân tích điều đúng, điều sai* cho chúng thấy.

Quan hệ giữa ng-ời lớn và trẻ em không chỉ đòi hỏi *tình th-ong, sự nghiêm túc, không xuê xoa*, mà đồng thời cần phải có *bầu không khí thật sự dân chủ, cởi mở*. Khi một đứa trẻ đã có ý thức rồi thì mọi hành vi của nó, kể cả hành vi sai trái đều có liên quan đến những suy nghĩ, lập luận nhất định của nó. Do đó, tr-ớc khi răn dạy trẻ, ng-ời lớn phải bình tĩnh để cho trẻ em nói lên đ-ợc suy nghĩ vì sao nó có hành động sai trái nh- vậy, sau đó cha mẹ ôn tồn phân tích chỉ ra sai lầm trong suy nghĩ và lập luận của nó thì nó mới “tâm phục, khẩu phục” đ-ợc. Trong bầu không khí dân chủ, ở trẻ em sẽ hình thành thói quen thích cởi mở tâm sự với ng-ời lớn về những khó khăn, yếu kém của chúng ở tr-ờng, trong cuộc sống hằng ngày. Còn hành vi chửi mắng, đánh đập lâu ngày làm cho trẻ em chai sạn, quen với đòn roi, mất khả năng tự trọng, th-ờng có thói quen che dấu khuyết điểm và nhất là hình thành tâm lý ác cảm, đối lập với cha mẹ, không nghe theo lời cha mẹ nữa nên càng khó giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Candland, D. K., *Feral children and clever animals: reflections on human nature*, Oxford University Press. 1993.

(2) Danh sách trẻ em bị cách ly, nhốt kín và hoang dã (A list of isolated, confined and feral children), <http://www.feralchildren.com/en/children.php>.

(3) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, t.3, tr.383.

(4) Kamala 8 tuổi và Amala 18 tháng là bé gái được tìm thấy năm 1920 ở Godamuri, Ấn Độ khi chúng đang được một con sói mẹ chăm sóc. Chúng đi 4 chân, ngủ ban ngày, thức ban đêm. Chúng thích ăn thịt sống và sẵn sàng cắn và tấn công trẻ em khác khi bị kích thích. Chúng có thể đánh hơi thịt sống ở cách xa và có thị giác và thính giác rất nhạy. Khi được đưa về với xã hội, Amala chết một năm sau, còn Kamala sống đến 17 tuổi nhưng nó vẫn khác biệt với những trẻ em khác.

Djuma, “*cậu bé sói*” được tìm thấy năm 1962 ở Turkmenistan trong một đàn sói. Khi được tìm thấy, cậu đã 7 tuổi, nhưng không biết nói. Được đem về nuôi trong môi trường xã hội đến năm 1991 dù đã 37 tuổi, nhưng Djuma vẫn chỉ biết phát âm được một vài từ, vẫn thích ăn thịt sống và cắn người khi bị chọc tức.

(5), (6). Slade, E. P. and Wissow, L. S., *Đánh trẻ khi còn quá bé thì sau này sẽ có vấn đề về hạnh kiểm: Nghiên cứu về tương lai của trẻ em và nhi đồng (Spanking in Early Childhood and Later Behavior Problems: A Prospective Study of Infants and Young Toddlers)*, Pediatrics, May 2004, vol 113, pp 1321-1330.

(7) Banks, J. Burton, *Vấn đề kỷ luật của trẻ nhỏ: Những thách thức đối với các bậc thầy thuốc và cha mẹ (Childhood Discipline: Challenges for Clinicians and Parents)*, American Family Physician, 2002, vol 66, pp 1447-1452.